

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

17-TỈNH HƯNG YÊN

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	17.01.02	Toán	17.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
2	17.01.01	Toán	14.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
3	17.01.04	Toán	17.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
4	17.01.05	Toán	15.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
5	17.01.09	Toán	28.000	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
6	17.01.14	Toán	16.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
7	17.01.15	Toán	20.000	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
8	17.01.18	Toán	16.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
9	17.01.07	Toán	17.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
10	17.01.08	Toán	25.500	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Bình
11	17.01.10	Toán	15.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Bình
12	17.01.12	Toán	20.000	Ba	11	THPT Chuyên Thái Bình
13	17.01.11	Toán	15.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Bình
14	17.01.17	Toán	16.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
15	17.01.16	Toán	21.000	Ba	11	THPT Chuyên Thái Bình
16	17.01.19	Toán	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
17	17.01.20	Toán	18.500	Ba	11	THPT Chuyên Thái Bình
18	17.02.01	Vật lí	18.250	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
19	17.02.02	Vật lí	19.250	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
20	17.02.03	Vật lí	15.500	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
21	17.02.06	Vật lí	13.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
22	17.02.07	Vật lí	14.750	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
23	17.02.11	Vật lí	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
24	17.02.12	Vật lí	20.000	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
25	17.02.16	Vật lí	19.750	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
26	17.02.18	Vật lí	14.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
27	17.02.20	Vật lí	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
28	17.02.04	Vật lí	15.250	Ba	11	THPT Chuyên Thái Bình

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

17-TỈNH HƯNG YÊN

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	17.02.09	Vật lí	10.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
30	17.02.10	Vật lí	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
31	17.02.13	Vật lí	19.000	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Bình
32	17.02.14	Vật lí	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
33	17.02.19	Vật lí	12.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
34	17.02.15	Vật lí	14.000	K.Khích	12	THPT Mỹ Hào
35	17.03.01	Hoá học	18.875	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
36	17.03.04	Hoá học	15.125	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
37	17.03.15	Hoá học	22.625	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
38	17.03.17	Hoá học	15.625	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
39	17.03.19	Hoá học	25.875	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
40	17.03.03	Hoá học	20.750	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
41	17.03.05	Hoá học	17.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Bình
42	17.03.06	Hoá học	14.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
43	17.03.09	Hoá học	16.375	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
44	17.03.10	Hoá học	15.875	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
45	17.03.11	Hoá học	24.250	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Bình
46	17.03.12	Hoá học	20.875	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
47	17.03.18	Hoá học	25.500	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Bình
48	17.04.01	Sinh học	18.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
49	17.04.02	Sinh học	21.000	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
50	17.04.04	Sinh học	18.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
51	17.04.09	Sinh học	23.250	Nhì	11	THPT Chuyên Hưng Yên
52	17.04.10	Sinh học	22.250	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
53	17.04.12	Sinh học	18.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
54	17.04.16	Sinh học	20.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
55	17.04.19	Sinh học	19.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
56	17.04.03	Sinh học	20.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

17-TỈNH HƯNG YÊN

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	17.04.05	Sinh học	23.750	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Bình
58	17.04.11	Sinh học	22.500	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Bình
59	17.04.14	Sinh học	18.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
60	17.04.15	Sinh học	20.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
61	17.04.18	Sinh học	18.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Bình
62	17.05.02	Tin học	14.940	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
63	17.05.07	Tin học	12.830	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
64	17.05.08	Tin học	19.680	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
65	17.05.14	Tin học	16.474	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
66	17.05.16	Tin học	19.185	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
67	17.05.17	Tin học	15.867	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
68	17.05.19	Tin học	14.839	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
69	17.05.04	Tin học	13.320	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
70	17.05.18	Tin học	23.200	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Bình
71	17.05.12	Tin học	15.786	K.Khích	12	THPT Khoái Châu
72	17.05.15	Tin học	15.020	K.Khích	11	THPT Triệu Quang Phục
73	17.06.01	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
74	17.06.10	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
75	17.06.16	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
76	17.06.19	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
77	17.06.04	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Bình
78	17.06.07	Ngữ văn	13.250	Ba	11	THPT Chuyên Thái Bình
79	17.06.09	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT Chuyên Thái Bình
80	17.06.11	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
81	17.06.20	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
82	17.06.05	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Bắc Kiến Xương
83	17.06.03	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Nguyễn Trãi
84	17.06.08	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

17-TỈNH HƯNG YÊN

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
85	17.07.01	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
86	17.07.07	Lịch sử	15.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
87	17.07.08	Lịch sử	15.250	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
88	17.07.10	Lịch sử	16.250	Nhì	11	THPT Chuyên Hưng Yên
89	17.07.13	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
90	17.07.15	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
91	17.07.16	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
92	17.07.17	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
93	17.07.18	Lịch sử	15.250	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
94	17.07.20	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
95	17.07.02	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
96	17.07.04	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
97	17.07.09	Lịch sử	14.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Bình
98	17.07.12	Lịch sử	15.250	Ba	11	THPT Chuyên Thái Bình
99	17.08.05	Địa lí	13.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
100	17.08.06	Địa lí	13.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
101	17.08.08	Địa lí	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
102	17.08.09	Địa lí	13.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
103	17.08.13	Địa lí	14.250	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
104	17.08.14	Địa lí	14.750	Ba	11	THPT Chuyên Hưng Yên
105	17.08.17	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
106	17.08.18	Địa lí	13.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
107	17.08.01	Địa lí	13.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
108	17.08.04	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Bình
109	17.08.03	Địa lí	13.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Bình
110	17.08.10	Địa lí	14.250	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
111	17.08.11	Địa lí	15.000	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
112	17.08.15	Địa lí	16.000	Nhì	11	THPT Chuyên Thái Bình

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

17-TỈNH HƯNG YÊN

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
113	17.08.16	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Bình

Danh sách này gồm 113 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

17-TỈNH HƯNG YÊN

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	17.09.06	Tiếng Anh	3.30	3.30	4.70	1.30	12.600	K.Khích	THPT Chuyên Hưng Yên
2	17.09.16	Tiếng Anh	3.40	3.60	4.90	1.30	13.200	K.Khích	THPT Chuyên Hưng Yên
3	17.09.02	Tiếng Anh	3.90	3.80	4.80	1.50	14.000	Ba	THPT Chuyên Thái Bình
4	17.09.09	Tiếng Anh	3.90	3.30	4.70	1.50	13.400	K.Khích	THPT Chuyên Thái Bình
5	17.09.07	Tiếng Anh	3.50	3.70	5.10	1.10	13.400	K.Khích	THPT Chuyên Thái Bình
6	17.09.10	Tiếng Anh	3.70	3.60	5	1.50	13.800	Ba	THPT Chuyên Thái Bình
7	17.09.11	Tiếng Anh	3.50	3.60	5.30	1.70	14.100	Ba	THPT Chuyên Thái Bình
8	17.09.12	Tiếng Anh	3.50	3.70	4.20	1.40	12.800	K.Khích	THPT Chuyên Thái Bình
9	17.09.14	Tiếng Anh	3.30	3.20	5.40	1.40	13.300	K.Khích	THPT Chuyên Thái Bình
10	17.09.19	Tiếng Anh	3.50	3.90	5.40	1.30	14.100	Ba	THPT Chuyên Thái Bình
11	17.11.07	Tiếng Pháp	5.10	2	2.60	1.325	11.025	K.Khích	THPT Chuyên Thái Bình
12	17.12.08	Tiếng Trung	3.30	3.40	6.35	1.3	14.350	Ba	THPT Chuyên Thái Bình

Danh sách này gồm 12 thí sinh